

Thu độc giả

triết học hoá chữ nghĩa hay văn chương.. hũ nút!

Với tư cách của một độc giả, tôi xin được gửi đến quý vị một lời khen ngợi đối với nỗ lực lớn lao của quý vị khi quyết định cho tập san này ra đời. Tuy còn khá nhiều khuyết điểm về hình thức cũng như vấn đề dịch thuật (khá nhiều từ Hán Việt) cũng như lỗi chính tả và những vấp vấp văn phạm nhưng tôi thấy sự vượt qua những trở ngại này chỉ là vấn đề thời gian. Riêng nội dung của tập san này thì quả thật súc tích, nó là món ăn tinh thần rất quan trọng cho tôi. Tất cả các bài viết đều được tôi đọc kỹ và nghiền ngẫm. Tôi đặc biệt thích các bài của các ông Lý Khôi Việt, Lê Diên và Phạm Trọng Luật.

Triết là máu nhà tinh thần chung cho cả nhân loại, không riêng gì Việt Nam. Một hệ thống triết học vững chắc là một nền móng căn bản cho sự phát triển của tâm thức con người. Tôi rất vui khi thấy cộng đồng người Việt hải ngoại chúng ta đã thành lập được một nền văn hóa khá đa dạng ở hải ngoại và hy vọng rằng tập san *Triết* sẽ là một trong những cột trụ. Được thế, chúng ta sẽ đỡ hổ thẹn hơn khi ngoảnh mặt lại nhìn quê hương thân yêu của chúng ta.

Sau đây là một vấn đề tôi thấy cần nêu ra với quý vị.

Tôi thấy trong *Triết* số 2, tất cả mọi bài đều được viết bằng một giọng văn rất Việt Nam, dễ thu nhận, trừ một vài bài của một người viết tên Nguyễn Hữu Liêm (gọi tắt NHL). Những bài của tác giả này, tuy viết bằng tiếng Việt Nam, nhưng đối với tôi khó hiểu, vì trong khi đọc tôi cứ phải loay hoay với lối hành văn khá lạ lùng của tác giả để rồi đánh mất đi cái giá trị của nội dung bài viết mà tôi tin là có (nội dung của những bài của NHL đáng đọc). Nếu quý vị cho phép tôi được trình bày thẳng thắn một cách xây dựng thì tôi xin được phê bình trên mặt

hình thức bài *Về Sự Thế Chua Hoàn Tất Của Một Con Người Việt Nam* và một vài bài khác của NHL, mà tôi tin rằng có thể sửa chữa để cho nội dung câu văn sáng sủa hơn. Sau đây là một số khuyết điểm về mặt ngôn từ:

* Trang số 3, NHL nói:... *còn là một cuộc tìm*, trong khi đó NHL có thể nói *vẫn còn trong vòng tìm kiếm* sẽ dễ hiểu hơn.

* *khoảng biến cố*. Tôi không hiểu thế nào là khoảng biến cố?

* ... *Năm vòng ngoài* cơ cấu truyền đạt của nó (tr. 5). Vòng ngoài hay ngoài vòng?

* *Không đâu thấy một ngôn ngữ Đang Là và Sẽ Là* (tr. 6). *Không đâu thấy* hay *không thấy đâu*?

* ... *sự thế của biến cố đầy nghi ngầu?* Thế nào là *nghi ngầu?* nghi ngầu hay nghi ngờ?

* ... *chuyến tàu của một linh hồn trương mở vào không gian?* Thế nào là *trương mở*?

* ... *thờ phượng Thượng Đế như là thờ phụng chính họ?* 2 chữ *thờ phượng* và *thờ phụng* cùng được dùng trong một câu. Đối với tôi là một điều nên tránh vì thiếu đồng nhất (*phượng* hay *phụng*?).

* ... Trang 166, NHL viết... *Những sáng tác của các đại triết gia này không bao gồm một hệ thống*. Có lẽ NHL muốn nói: *Những sáng tác của các triết gia này không thể được hệ thống hóa*...

* ... Trang 167, NHL viết; *Vào năm Plato 60 tuổi, ông có thêm một học trò mới và trở nên rất nổi tiếng: Aristotle*. Câu này làm cho người đọc thắc mắc không biết là Plato nổi tiếng hay Aristotle nổi tiếng? Lỗi ở chữ "và". Người đọc sẽ tự thắc mắc: Tại vì có người học trò mới này mà Plato mới trở nên nổi tiếng? Hay là: đến năm 60 tuổi ông Plato mới trở thành nổi tiếng và vào lúc đó Plato cũng có thêm một học trò tên là Aristotle? Hay là: đến năm 60 tuổi, Plato có một người học trò tên là Aristotle sau này trở thành nổi tiếng?

* Trang 245 cột 2, NHL viết: *Các khoa học gia, chuyên gia thuộc lãnh vực khoa học này là một nhóm đặc quyền, nhân danh kiến thức cao rộng không thể đến được bởi người khác*. Theo tôi câu này là một câu dịch từ tiếng Anh bị quá nhiều mùi vị của văn dịch. Đáng lẽ nó phải được viết: *Các chuyên gia khoa học này tự cho họ có những đặc quyền riêng, vì họ biết kiến thức chuyên môn của họ người thường khó mà hiểu được*.

* Trang 188, NHL viết: *Dù sống trong nghèo khó, Kant theo đuổi một cuộc đời trong sự khao khát của kiến thức*. Câu này vừa bị lỗi *non sequitur*, vừa bị giọng văn dịch,

vừa sai văn phạm vì chữ "dù" và chữ "của". Lẽ ra, nó phải được viết như sau: *Cuộc đời của Kant là một chuỗi ngày dài khát khao kiến thức, tuy rằng ông sống trong thiếu thốn vật chất.*

* Trang 189, cột 1, NHL viết: *và văn Triết của Kant, vì nội dung chuyên chở cho đến từ vựng và cấu trúc, đã trở nên rất khó hiểu.* Viết như thế tối nghĩa, nhất là chữ "vì". Nên viết: *Văn phong của Kant về mặt triết học, từ nội dung cho đến từ vựng và cấu trúc, rất khó hiểu.*

* Trang 188, NHL viết: *Ông không bao giờ lập gia đình vì lo sợ....* Lẽ ra, nên viết: *Ông đã không hề lập gia đình vì lo sợ....*

* Trang 178, cột 1. NHL viết: *Ông trở nên một thầy giáo.* Chữ "nên" dùng không được đúng. Lẽ ra phải viết: *Ông trở thành một thầy giáo.* Chữ "nên" chỉ có thể dùng trong những câu, ví dụ:

Ông XYZ, sau khi thăng vụ kiện đó, đã trở NÊN một luật sư nổi tiếng... Chữ không nên nói: *Ông XYZ trở NÊN một giáo sư Triết.* Một ví dụ khác về chữ nên: *Sau khi tu nghiệp ở ngoại quốc về, ông XYZ trở nên một giáo sư nổi tiếng.* Chữ nên trong câu này đúng.

* Hãy đọc một câu dài, trang 193, cột 1. NHL viết: *Rằng trong tác năng suy thúc của tôi có một tính khách quan là nhờ tác năng này được chất chứa bởi trực giác của cái gì đó đã có sẵn đưa đến cho tôi để tôi cảm nhận đến nó được.* Đọc đến đây, tôi lắc đầu chịu thua, câu vừa dài, vừa dùng thể *passive*, không những thế, câu này còn sai chính tả. *Cảm nhận*, chứ không phải *cảm nhận*. Đọc những câu như thế, rất mệt trí, vì câu quá dài.

Ngoài những lỗi văn phạm trên, NHL còn dùng sai chữ như: *Kant trước tác từng thời kỳ* (trang 188 cột 2) đúng ra phải nói, *Kant trước tác từng thời kỳ*. Hoặc là *dài dằng dằng?* Theo tôi biết, hình như chỉ có từ *dài dằng dằng* mà thôi.

Và một số lỗi về dấu lặt vặt khác....

Nếu tôi không lầm, tôi thấy có lẽ NHL không rành tiếng Việt hay sao đó. Nói tóm lại, từ văn phạm, cách dùng từ ngữ cho đến chính tả, văn viết của NHL tôi thấy thiếu sót. Nó làm cho câu văn trở nên lập dị, nhiều lúc vô nghĩa, khó hiểu. Tôi có đưa bài của NHL cho một giáo sư Triết học người Việt Nam đọc, ông ta cũng có cùng nhận định như thế với tôi về NHL. Ông ta nói: *"Tôi đọc bài ông NHL viết, quả thực tôi thấy tôi như hũ nút... ông ta muốn mình khác thường... đâu phải tiếng Việt không có để ông dùng, chỉ vì ông chê đó thôi"*.

Riêng trong bài điểm sách của NHL, trang số 246, cột số 2, NHL có nhắc đến quy luật *casuality*. Trang số 196 cột số 1 cũng có một lỗi như thế. Tôi biết đây chỉ là một sơ sót chính tả của người đánh máy (nhưng là một sơ sót rất tai hại, đúng ra là *causality*, tai hại vì chữ *causality* có một nghĩa khác với chữ *casuality*). Trang 199, NHL dịch chữ "giả lý" từ chữ *postulate*, trong khi đó, trang 204, chữ *postulate* lại được dịch là "lý trí ước định", đây lại cũng là một lỗi chính tả (*postulate* chứ không phải là *postulate*) vừa lại thiếu sự đồng nhất trong việc dịch thuật. Tôi thì muốn dịch chữ *postulate* là "ước thuyết", nhưng e rằng cũng không được chính xác lắm.

Tôi thiết tưởng bài của NHL cần phải được tòa soạn *edit* kỹ để mang lại cái sáng sủa (*clarity*) cho câu văn. Có những tác phẩm nổi tiếng tôi đã từng đọc qua, như *Critique of Pure Reason, Sein und Zeit, Being and Nothingness, The Phenomenology of Mind* hay văn của Faulkner... phải thú nhận những tác phẩm này khó đọc, vì từ cách hành văn cho đến tư tưởng đều mang tính chất trừu tượng. Ai đã từng đọc loại sách này thì chắc cũng hiểu được cái khổ của người đọc khi phải vật lộn với những thứ ngôn ngữ và tư tưởng không quen thuộc với lối suy tưởng thường ngày, nhất là tư tưởng của Âu Tây.

Nói tóm lại, tôi thấy quý vị cần có một nỗ lực lớn hơn để thống nhất và cập nhật những từ nguyên khoa học và triết học để người đọc khỏi lúng túng. Dùng chữ rắc rối, khó hiểu, dùng sai văn phạm, câu viết quá dài là chúng ta đã tự làm hỏng ý nghĩa và mục đích trọng yếu của ngôn ngữ: là để *truyền đạt tư tưởng*. Trong lãnh vực thi ca, hội họa, hay văn chương thì những cái lạ lùng, độc đáo, mới mẻ, lập dị, bóng bẩy, nói một câu hai ba nghĩa có thể trở nên cần thiết và chấp nhận được, nhưng trong một tập san biên khảo, nhất lại là về Triết, vốn là thứ trừu tượng, có lẽ chúng ta cần có một tiêu chuẩn và quy tắc văn phạm nào đó (*syntax*) nhất định trong cách viết để cho ý tưởng được sáng sủa. Nếu không, tình trạng *triết học hoá chữ nghĩa* tôi e rằng sẽ đem đến những ngộ nhận đáng tiếc cho người đọc. Khi dùng đến một từ mới lạ, chúng ta cần có một định nghĩa chính xác cho từ đó để độc giả có thể hiểu chúng ta đang nói gì, chứ còn mạnh ai nấy viết, mặc kệ người đọc muốn hiểu sao thì hiểu thì tôi e rằng tinh thần làm việc như vậy có tính cách đái bôi. Khi tôi đọc sách khoa học tiếng Anh, bao giờ trong mục lục họ cũng có dành ra một số trang khá lớn để chú thích cho những vấn đề, những từ có tính cách chuyên môn, khó

hiểu để giúp người đọc đã thông được vấn đề. Người Việt Nam mình còn hơi tắc trách trong vấn đề đó..

Nguyễn Hùng Vũ

(Kỹ Sư)

Chino Hills, California

Thảm kịch của văn hóa Việt Nam cứ mãi duy trì chính là vì trong xã hội vẫn còn tồn tại những người ham trở thành bách khoa từ điển, nhưng không thực sự biết một vấn đề gì đến nơi đến chốn...

(Tôi muốn) phê bình bài viết *Phê Bình Những Phê Bình Về Các Tôn Giáo Dân Tộc* của Lý Khôi Việt đăng trong tạp chí *Triết* số 2.

Tôi xin đề cập ngay đến điểm đầu tiên: khái niệm "tôn giáo dân tộc."

Thế nào là "tôn giáo dân tộc"? Khi chúng ta dùng thuật ngữ này chúng ta muốn nói đến (1) tôn giáo nảy sinh và phát triển trong một quốc gia, hay (2) tôn giáo được quốc gia đó chọn làm quốc giáo, hay (3) tôn giáo có mặt tại quốc gia đó? Trong trường hợp thứ nhất chúng ta có Phật Giáo Ấn Độ, Khổng Giáo và Lão Giáo Trung Hoa, Thần Đạo (Shinto) Nhật Bản, Hồi Giáo của Ả Rập, Do Thái Giáo ở Trung Đông. Trong trường hợp thứ hai chúng ta có Phật Giáo Tây Tạng, Phật Giáo Miến Điện, Phật Giáo Tích Lan, Phật Giáo Nhật Bản và Phật Giáo Trung Hoa (trong một số giai đoạn lịch sử). Trong trường hợp thứ ba, nếu chỉ nói về Việt Nam thì Phật Giáo, Khổng Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Thiên Chúa, Tin Lành, đạo Dừa, tất cả đều có thể được xem là tôn giáo dân tộc, giản dị vì những tôn giáo này có tín đồ tại Việt Nam. Không hiểu căn cứ trên lý do gì Lý Khôi Việt lại chỉ cho phép Cao Đài, Hòa Hảo và Phật Giáo là tôn giáo dân tộc? Lý Khôi Việt viết:

Đạo Cao Đài như là một tôn giáo thuần túy Việt Nam, chân chính Việt Nam (Triết 2, tr. 120).

Đạo Cao Đài với hình thức tổng hợp Tây Tàu thờ cả nhà thơ Lý Bạch (do hiểu lầm đây là Thái Bạch Kim Tinh, một nhân vật trong truyện Phong Thần), nhà văn Victor Hugo, nhà cách mạng Tôn Trung Sơn (một người cực kỳ khinh bỉ dân tộc Việt Nam). Tất cả những nhân vật này không ai có nguồn gốc Việt Nam hết. Tại sao lại có thể cho rằng Đạo Cao Đài là một tôn giáo

thuần túy Việt Nam? Ngay cả việc căn cứ trên số tín đồ và chùa chiền, Đạo Cao Đài cũng chưa chiếm được tỷ lệ cao như tín đồ Thiên Chúa Giáo La Mã, chứ đừng nói là so sánh với Phật Giáo, thì làm sao có thể khẳng định đây là một tôn giáo đặc sắc riêng biệt của dân tộc Việt được? Về mặt độc đáo không giống bất kỳ một tôn giáo nào, có lẽ Đạo Dừa còn cao hơn Đạo Cao Đài.

Nếu có một nghi lễ tôn giáo nào đó phổ biến nhất tại Việt Nam thì chắc chắn đó là đạo thờ cúng tổ tiên, nhưng đây cũng là sự vay mượn văn hóa Trung Hoa, không phải sáng tạo đặc thù của dân Việt. Còn Phật Giáo Hòa Hảo cũng là hình thức vay mượn, tổng hợp từ tôn giáo Trung Hoa khái niệm Phật Di Lặc sẽ xuất hiện vào thời mạt Pháp để thiết hội Long Hoa và giảng giáo lý Đại Thừa. Do đó, không thể khẳng định đây là một tôn giáo thuần túy Việt Nam. Hơn nữa thế nào là thuần túy Việt Nam thì Lý Khôi Việt không hề đề cập đến. Trước khi khẳng định rằng một tôn giáo nào đó thuần túy phản ánh được tinh hoa hay bản chất của văn hóa Việt Nam, Lý Khôi Việt phải cho chúng ta biết cái bản chất hay tinh hoa văn hóa Việt Nam là gì cái đã rồi chúng ta mới có thể thẩm định được. Nhưng Lý Khôi Việt không nhìn ra được vấn đề này.

Điều sai lầm thứ hai của Lý Khôi Việt cũng như bao trí thức Việt Nam khác là tin rằng có tồn tại những chân lý hay sự kiện lịch sử khách quan nằm lù lù ra đó có thể nắm bắt và quan sát được một cách dễ dàng. Lý Khôi Việt khi phản bác giáo sư Hồ Huệ Tâm đã viết như sau:

Thật là đối trắng thay đen, đối đen thay trắng, lật lọng tráo trở, vượt qua sự tưởng tượng của con người. Bởi vì sự thật, sự thật còn nóng hổi, còn thấy được bởi nhiều nhân chứng đương thời, còn y nguyên trong sách báo, tài liệu trung thực, khách quan. (Triết 2, tr. 123).

Ngoài (vấn đề) giọng văn (ra), Lý Khôi Việt đã chứng tỏ là không hề đọc và hiểu sách của giáo sư Hồ Huệ Tâm, người được đào tạo trong môi trường giáo dục sử học phương Tây. Nhưng tôi không muốn bàn đến vấn đề này vì phải mất nhiều thì giờ hơn khuôn khổ bài viết này cho phép. Tôi chỉ xin tập trung vào điểm chính là: khi phản bác một luận điểm sử học, chúng ta cũng phải nắm vững hay ít nhất cũng hiểu qua phương pháp sử học. Phương pháp sử học đòi hỏi nói có sách mách có chứng. Trong cuốn sách của giáo sư Huệ Tâm, chúng ta có thể không đồng ý về cách thức đọc và giải thích một số vấn đề lịch sử của bà, nhưng chúng ta phải thừa nhận bà làm việc đúng tinh thần sử học: trích dẫn tài liệu và cho biết

nguồn gốc xuất xứ của các văn bản kịch sử sử dụng. Khi phân bác, Lý Khôi Việt cũng phải cho biết căn cứ trên tư liệu lịch sử nào, nhân chứng nào để đưa ra những giải thích khác về Phật Giáo Hòa Hảo, không thể đơn thuần chụp mũ người khác là "đổi trắng thay đen." Mà trong lịch sử làm gì có chuyện tách bạch rõ ràng trắng và đen!

Nếu Lý Khôi Việt học luật, chắc chắn phải hiểu rõ được một điều là ngay cả những bằng chứng có vẻ chắc chắn nhất cũng có thể được giải thích bằng nhiều cách khác nhau, hay những nhân chứng có vẻ đáng tin cậy và trung thực nhất vẫn có thể hiểu sai những biến cố mà họ được tận mắt chứng kiến. Không hề có những sự kiện (facts) hiểu như những thực thể khách quan (objective entities), mà chỉ có những sự kiện đã được giải thích (interpreted facts) mà thôi. Ngay cả những vấn đề xảy ra chung quanh chúng ta hàng ngày mà còn thắm đầy tính chủ quan như thế, huống hồ là những sự việc đã xảy ra ra mấy chục năm hay mấy trăm năm trước đây.

Chúng ta chỉ có trong tay những văn bản lịch sử (texts) hiểu theo nghĩa rộng và chúng ta phải giải thích chúng căn cứ trên kiến thức của chúng ta về toàn thể bối cảnh (context) trong đó các văn bản bộc lộ ra ý nghĩa của chúng. Do đó, sử gia phải là người uyên bác về rất nhiều lãnh vực: phải am hiểu ngôn ngữ liên hệ, văn hóa cổ đại, xã hội học, nhân chủng học, khảo cổ học, văn bản học, vân vân. Chẳng hạn một sử gia chuyên về sử Mỹ sẽ không hiểu được giá trị và ý nghĩa của các văn bản lịch sử được tạo ra trong bối cảnh văn hóa Việt Nam cổ đại. Và ngay cả người Việt Nam bình thường hiện nay cũng không thể hiểu được giá trị và ý nghĩa của trống đồng Ngọc Lũ hay văn hóa Đông Sơn nếu không có các sử gia Việt chuyên môn giải thích cho họ.

Tóm lại, cái mà chúng ta tưởng là chân lý lịch sử khách quan, thật ra là các kiến lập của các sử gia căn cứ trên cách giải thích của họ về những biến cố lịch sử. Do đó sử học là sự giải thích liên tục các biến cố lịch sử và chính trong sự giải thích này mà một biến cố mới thực sự trở thành biến cố lịch sử hay một nhân vật nào đó mới trở thành một nhân vật lịch sử. Nếu Lý Khôi Việt băng qua sông Rubicon, sự kiện này không phải là một sự kiện lịch sử. Nhưng Caesar băng qua sông Rubicon thì khác: đây là một sự kiện lịch sử quan trọng căn cứ trên sự giải thích của các sử gia chuyên về sự chuyển biến của nền văn minh La Mã sau biến cố này. Đây chỉ là những vấn đề rất sơ đẳng trong sử luận (historiography) mà bất cứ sinh

viên sử năm thứ nhất nào cũng biết, thế nhưng Lý Khôi Việt lại chẳng hề có ý thức gì cả.

Lý Khôi Việt nói năng lập luận như thể chính mình đã biết chắc chắn những sự kiện lịch sử như khi chúng xảy ra một cách hoàn toàn biệt lập với nhận thức con người. Tôi xin nhắc lại: sự kiện lịch sử không bao giờ tồn tại một cách độc lập với sự giải thích và nhận thức của một sử gia. Chẳng hạn lịch sử Việt Nam là sự giải thích lịch sử của Lê Văn Hưu, Phan Phù Tiên, Ngô Sĩ Liên, và nhiều sử gia khác, nhiều học giả liên ngành khác. Không có những giải thích này, chúng ta sẽ là một dân tộc không lịch sử.

Trở lại vấn đề Phật Giáo Lý Trần. Vấn đề này từ lâu nay vẫn chưa được nghiên cứu một cách tường tận. Nói chung, học giả trong và ngoài nước vẫn dậm chân tại chỗ trong những hiểu biết đầy công ước, chung chung. Một bộ lịch sử Phật Giáo Việt Nam viết thật nghiêm túc, theo đúng tinh thần khảo cứu sử vẫn chưa có. Bộ Việt Nam Phật Giáo Sử Luận của Nguyễn Lang thì có quá nhiều sai lầm và phần lớn là do tác giả tưởng tượng ra nên không sao sử dụng được. Như Hạnh là tác giả tiên phong trong thời hiện đại đặt lại vấn đề nghiên cứu Thiền Tông Việt Nam và Phật Giáo Lý Trần theo đúng tinh thần khảo chứng của sử học.

Như Hạnh là một trong những trí thức Phật Giáo đầu tiên vào được "mainstream" của giới học giả quốc tế. Nếu chúng ta không tự hào về ông thì chỉ còn một cách giải thích duy nhất cho thái độ kỳ lạ này: chỉ có lòng ghen tị mới ngăn cản chúng ta làm việc đó. Truyền thống Việt Nam vẫn chỉ có những tu sĩ chọn Phật Giáo làm tín ngưỡng tu hành hơn là chọn nghiên cứu giáo lý. Cũng có những người chuyên dịch kinh điển như các Thượng Tọa Trí Tịnh, Minh Châu, cũng có một số nghiên cứu Phật Giáo ở trình độ phổ biến như các Hòa Thượng Thiện Hoa, Thiền Tâm, Tâm Châu, nhưng số lượng quá ít ỏi. Phật Giáo Việt Nam vẫn chưa đào tạo ra được một đội ngũ những nhà Phật Học thực sự tương đương với Như Hạnh. Tại sao chúng ta lại không có quyền tự hào về ông?

Tại sao Lý Khôi Việt lại không đi làm việc mà ông đã được đào tạo để làm? Tại sao lại nhẩy song phi vào công việc của người khác nói nhảm rồi còn tự vỗ ngực cho mình là thông thái, là "trí thức Phật Giáo"! Thảm kịch của văn hóa Việt Nam cứ mãi duy trì chính là vì trong xã hội vẫn còn tồn tại những người ham trở thành bách khoa từ điển, nhưng không thực sự biết một vấn đề gì

đến nơi đến chốn. Tại sao chúng ta không chịu chấp nhận những "bác sĩ tự học," "kỹ sư tự học," hay "luật sư tự học," mà chúng ta cứ phải chịu đựng những kẻ tự cho là thông hiểu về Đông Phương Học, về triết học, về tôn giáo chỉ bằng cách đọc vớ vẩn vài cuốn sách nhập môn?

Phật Giáo là một trường hợp điển hình: Trong cộng đồng Việt Nam hình như bất cứ nhà "trí thức" nào cũng có thể là một chuyên gia "tự học" về Phật Giáo. Đây là một ngộ nhận lớn nhất về Phật Giáo. Tôi quả quyết ngược lại rằng chúng ta có thể tự học về toán, thậm chí cả vật lý hay hóa học, nhưng không bao giờ--tôi nhấn mạnh không bao giờ--chúng ta có thể tự học về một tôn giáo phong phú đa dạng như Phật Giáo và một hệ thống triết lý phức tạp như hệ thống triết học Phật Giáo. Đó là chưa

kể việc chúng ta không thể tự học các cổ ngữ Phật Giáo quan trọng. Tôi thực sự chờ mong những thế hệ tương lai trong văn hóa Việt Nam sẽ được thực sự giải thoát ra khỏi các ảo tưởng làm tê liệt toàn bộ sự phát triển của một nền học thuật chân chính.

Dương Ngọc Dũng

(Giảng Viên Đại Học Tổng Hợp, Tp Hồ Chí Minh,
Ứng Viên Tiến Sĩ ngành Triết Học Tôn Giáo, Boston
University)

Boston, Massachusetts